

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2017/HNGĐ-ST

Ngày 28-12-2017

V/v tranh chấp ly hôn giữa
anh C và chị N

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Nguyễn Đức Mạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dồn- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2385/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ 2B, phường Hải Thành, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Ánh N, sinh năm 1996; nơi cư trú: Số 2A15 An Đà, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; tạm trú: 181 Canterbury road, Canterbury, New South Wales 2193, Australia; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai, nguyên đơn là anh Nguyễn Đức C trình bày: Anh và chị Nguyễn Ánh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn trong thời gian nửa năm đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, bản thân chị N không còn tin tưởng anh về tình cảm. Mặc dù đã được hai gia đình, bạn bè nhiều lần khuyên nhủ, phân tích và hòa giải để anh và chị N đoàn tụ nhưng không có kết quả. Từ cuối năm 2016 cho đến nay giữa anh và chị N đã sống ly thân không còn

quan hệ về mặt tình cảm và kinh tế. Nay xét thấy khả năng đoàn tụ giữa hai vợ chồng là không có, tình cảm không còn. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Ánh N.

Về nuôi con và chia tài sản: Anh và chị N không có con chung và tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai gửi về Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, bị đơn là chị Nguyễn Ánh N trình bày: Thống nhất với anh C về quá trình kết hôn, nguyên nhân dẫn đến ly hôn, về con chung, về tài sản chung. Đồng thời anh C cũng không còn tin tưởng tình cảm của chị dành cho anh. Nay xét thấy giữa hai vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, tình cảm không còn, nên chị cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị cũng đồng ý ly hôn để cả hai sớm ổn định cuộc sống riêng.*

Do chị Nguyễn Ánh N đang ở nước ngoài và không yêu cầu hòa giải nên căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa, cả anh C và chị N đều có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu quan điểm:*

1. Về tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến phiên tòa. Các đương sự cũng đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ cho thấy: Sau kết hôn cuộc sống vợ chồng của anh Nguyễn Đức C và chị Nguyễn Ánh N không có hạnh phúc, do bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau. Anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình thì mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh Nguyễn Đức C được ly hôn chị Nguyễn Ánh N. Về con chung và tài sản chung: Anh chị không có nên không phải xem xét. Anh Nguyễn Đức C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Đức C và chị Nguyễn Ánh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường H, quận D, thành phố Hải Phòng vào ngày 09 tháng 4 năm 2015, theo quy định tại Điều 8, Điều 9, của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp. Chị Nguyễn Ánh N hiện đang cư trú ở nước ngoài, theo quy

định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Nguyễn Ánh N vắng mặt tại phiên tòa, chị có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và ủy quyền cho người nhà tại Việt Nam nhận văn bản tố tụng của Tòa án cho chị. Anh Nguyễn Đức C đã nhận tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt vì đi làm không tham gia phiên tòa được. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đức C, chị Nguyễn Ánh N.

[3] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đức C và chị Nguyễn Ánh N đều khai thống nhất cuộc sống chung chỉ hạnh phúc được thời gian rất ngắn, từ giữa năm 2016 đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, cả hai đều không tin tưởng nhau về tình cảm, hiện nay đã sống ly thân không còn quan hệ cả về mặt tình cảm và kinh tế.

Tại đơn đề nghị của hai bên gia đình cũng xác nhận mâu thuẫn của anh Nguyễn Đức C chị Nguyễn Ánh N đã trầm trọng, hai bên gia đình đã hòa giải, khuyên bảo nhưng không có kết quả.

Như vậy, lời khai của anh Nguyễn Đức C, chị Nguyễn Ánh N phù hợp với tài liệu do gia đình hai bên cung cấp. Có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Đức C và chị Nguyễn Ánh N đã thực sự không còn yêu thương nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy việc anh Nguyễn Đức C chị Nguyễn Thị N xin ly hôn là hoàn toàn chính đáng. Cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị xin ly hôn của anh Nguyễn Đức C và chị Nguyễn Ánh N.

[4] Về nuôi con và chia tài sản: Theo lời khai của anh Nguyễn Đức C và chị Nguyễn Ánh N thì anh chị không có con chung và tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng:

Anh Nguyễn Đức C là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Anh Nguyễn Đức C tự nguyện chịu chi phí tố tụng khác nên chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Đức C.

[6] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Anh Nguyễn Đức C và chị Nguyễn Ánh N được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đức C được ly hôn với chị Nguyễn Ánh N.

2. Về nuôi con và chia tài sản: Anh Nguyễn Đức C và chị Nguyễn Ánh N không có con chung và tài sản chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

Anh Nguyễn Đức C phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003976 ngày 24 tháng 10 năm 2017 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Nguyễn Đức C đã nộp đủ.

Anh Nguyễn Đức C đã nộp đủ chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Anh Nguyễn Đức C được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Chị Nguyễn Ánh N được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Hải Thành, quận Dương Kinh, TP Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Trần Thu Hương

